

给下面的词语选择对应的图片
Match the pictures with the phrases.

HSK 2 Lesson 6 exercise 1



hē niúǎi

① 喝牛奶 _____

kàn bàozhǐ

④ 看报纸 _____

qǐ chuáng

② 起床 _____

chī yào

⑤ 吃药 _____

pǎo bù

③ 跑步 _____

dǎ lánqiú

⑥ 打篮球 _____